Phụ lục 98
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ ÓC EO

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 1,42,45,47,56,57,58 Phụ lục 98 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL98 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	1	Đường tỉnh 943		
		- Cầu Ba Thê 2 - Cách cầu Ba Thê 4 500 m (không tính đoạn KDC vượt lũ Sơn Lập)	403	Sửa tên đường (Tên cũ: Cầu Ba Thê 2 - Cách ranh Óc Eo 500 m (không tính đoạn KDC vượt lũ Sơn Lập))
		- Cách cầu Ba Thê 4 500m - Cầu Ba Thê 4	460	Sửa tên đường (Tên cũ: Cách ranh Óc Eo 500m - Cầu Ba Thê 4)
2	42	Đường Kênh Ba Thê - Núi Sập (Đường nhựa 3,5m)		
		- Cầu treo đi Mỹ Phú Đông – Kênh vành đai Núi Tượng	115	Sửa tên đường (Tên cũ: Cầu treo đi Mỹ Phú Đông - Ranh Óc Eo)

TT	Số TT PL98 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		- Kênh vành đai Núi Tượng - Kênh Mướp Văn	115	Sửa tên đường (Tên cũ: Ranh Óc Eo - Kênh Mướp Văn)
3	45	Đường Kênh Thổ Mô (2 bên): Kênh Vành Đai - Kênh Kiên Hảo	115	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Kênh Thổ Mô (2 bên): Ranh Óc Eo - Kênh Kiên Hảo)
4	47	Đường Kênh Vọng Đông 2		
		- Núi Chóc Năng Gù – Kênh Vành Đai Núi Tượng	115	Sửa tên đường (Tên cũ: Núi Chóc Năng Gù - Kênh Núi Tượng)
		- Kênh Vành Đai Núi Tượng - Kênh Mướp Văn	115	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Núi Tượng - Kênh Mướp Văn)
5	56	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	130	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
6	57	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	110	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**HỦY BỎ**			
1	58	Các tuyến đường còn lại		Huỷ bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL98 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**II**	**Ấp Sơn Tân, ấp Sơn Thành, ấp Sơn Lập, ấp Sơn Hòa**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
a	a	Đường tỉnh 943 (Ranh xã Thoại Sơn - Cầu Ba Thê 4)	55	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường tỉnh 943 (Ranh xã Thoại Sơn - ranh Óc Eo));
b	e	Kênh Ba Thê - Núi Sập (Ranh xã Thoại Sơn - Kênh Vành Đai Núi Tượng)	44	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Ba Thê - Núi Sập (Ranh xã Thoại Sơn - Ranh Vọng Thê);
c	h	Kênh Ba Thê Cũ (Kênh Kiên Hảo - Ranh xã Thoại Sơn)	44	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Ba Thê Cũ (Ranh Óc Eo - Ranh xã Thoại Sơn));
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
a	a	Đường tỉnh 943 (Ranh xã Thoại Sơn - Cầu Ba Thê 4)	66	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường tỉnh 943 (Ranh xã Thoại Sơn - ranh Óc Eo))

TT	Số TT PL98 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
b	e	Kênh Ba Thê - Núi Sập (Ranh xã Thoại Sơn - Kênh Vành Đai Núi Tượng)	50	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Ba Thê - Núi Sập (Ranh xã Thoại Sơn - Ranh Vọng Thê));
II	**III**	**Ấp Tân Thành, Tân Vọng, ấp Tân Hiệp, ấp Tân Huệ**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
a	d	Kênh Ba Thê mới (Kênh Mướp Văn - Kênh Vành Đai Núi Tượng)	44	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Ba Thê - Núi Sập (Ranh xã Thoại Sơn - Ranh Vọng Thê));
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
a	a	Đường tỉnh 943 (Cầu Sắt Núi Nhỏ - ranh xã Cô Tô)	60	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường tỉnh 943 (Ranh Óc Eo - ranh xã Cô Tô));
b	d	Kênh Ba Thê mới (Kênh Mướp Văn - Kênh Vành Đai Núi Tượng)	50	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Ba Thê mới (Kênh Mướp Văn - ranh Óc Eo));